





**Thích nữ Nguyên Bửu**

# **KINH THỦY DỤ**

**Giảng giải**



**Chùa An Lạc**

**PL.2570 - DL.2026**



*Nam-mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni*

*Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn,  
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp,  
Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,  
Nguyện hiểu nghĩa chơn Đức Thế Tôn.*

*Chúng con kính nguyện Mười phương Vô thượng Tam  
Bảo từ bi gia hộ.*

*Chúng con kính nguyện Đức Phật Bốn sư Thích Ca  
Mâu Ni từ bi gia hộ*

*Chúng con kính nguyện lịch đại Tổ sư từ bi gia hộ.*

*Chúng con kính nguyện chư tôn Hộ pháp từ bi gia hộ.*

*Chúng con kính nguyện Đức Tông chủ Thiên phái  
Trúc Lâm Việt Nam đương đại Thiên sư thượng  
Thanh hạ Từ từ bi gia hộ.*





## TÓM TẮT ĐẠI Ý KINH THỦY DỤ GIẢNG GIẢI

### I. DẪN NHẬP

Bài kinh Thủy Dụ thuộc phẩm Thất Pháp, kinh Trung A-hàm. Đức Thế Tôn sử dụng phương pháp thí dụ – một trong mười hai thể loại kinh điển – để hiển bày lộ trình tu tập và sự sai biệt căn cơ của chúng sanh. Hình ảnh “người ở dưới nước” được vận dụng nhằm minh họa tiến trình từ phàm phu chìm đắm trong ngũ dục đến bậc A-la-hán hoàn toàn giải thoát.

Người học Phật cần nhận rõ: đây không phải chỉ là một thí dụ mang tính văn chương, mà là bản đồ tu tập tâm linh, chỉ rõ từng tầng bậc chuyển hóa nội tâm, từ mê đến ngộ, từ hệ phược đến giải thoát.

## II. BẢY HẠNG NGƯỜI HỢP PHÁP THEO THÍ DỤ VỀ NƯỚC

### 1. Hạng người “nằm mãi dưới nước”

Đây là hạng phàm phu bị ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) che lấp, sống trong vô minh, không tin nhân quả, không biết thiện ác. Các pháp bất thiện làm chủ tâm thức, tạo nghiệp và tiếp tục xoay vần trong luân hồi sinh tử.

Người tu cần quán chiếu chính mình: nếu còn để tham – sân – si chi phối, xem việc tạo nghiệp là bình thường, thì tuy thân người nhưng tâm vẫn “chìm dưới nước”.

### 2. Hạng người “ra khỏi nước rồi chìm lại”

Đây là người từng phát khởi tín tâm nơi Tam bảo, từng thực hành thiện pháp nhưng vì thiếu chánh niệm và chánh kiến nên thoái thất Bồ-đề tâm, trở lại đời sống buông lung.

Sự thoái chuyển này có thể do không thắng nổi tập khí, hoặc do thiếu nền tảng tuệ giác. Đối với hành giả, đây là lời cảnh tỉnh sâu sắc: tín tâm nếu không được nuôi dưỡng bằng trí tuệ thì khó bền vững.

### **3. Hạng người “ra khỏi nước rồi đứng”**

Đây là người đã phát khởi tín tâm kiên cố, thực hành trì giới, bố thí, đa văn, tu tập thiện pháp và không thoái chuyển. Tuy chưa chứng Thánh quả nhưng đã thiết lập được nền tảng đạo đức và định hướng giải thoát rõ ràng.

Phần đông người tu thuộc tầng bậc này. Điều quan trọng là giữ vững tín tâm, không để ngoại duyên làm lay động chí nguyện xuất ly.

### **4. Hạng người “ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh” – Quả Tu-đà-hoàn**

Hành giả thấu triệt Tứ Diệu Đế, đoạn trừ ba kiết sử: thân kiến, giới cấm thủ, nghi. Đây là quả vị Tu-đà-hoàn (Dự lưu).

Người chứng quả này đã có chánh kiến bất động đối với Tam bảo và Tứ Đế, quyết định không còn đọa vào ác đạo. Tuy chưa đoạn tận phiền não nhưng đã nhập Thánh lưu, chắc chắn tiến đến giải thoát.

### **5. Hạng người “ra rồi đứng, nhìn quanh rồi lội qua” – Quả Tư-đà-hàm**

Hành giả làm cho tham, sân, si trở nên vi tế; dâm, nộ, si được làm mỏng. Đây là quả vị Tư-đà-hàm (Nhất lai).

Tâm đã thuần thực hơn, phiền não thô trọng không còn chi phối mạnh mẽ. Tuy vẫn còn tập khí, nhưng sức định và tuệ đã tăng trưởng đáng kể.

### **6. Hạng người “lội qua và đến bờ bên kia” – Quả A-na-hàm**

Hành giả đoạn trừ năm hạ phần kiết sử: thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Chứng quả A-na-hàm (Bất lai), không còn tái sinh vào Dục giới.

Đây là tầng bậc thâm sâu, hành giả sanh vào Ngũ Tịnh Cư thiên và tiếp tục tu tập cho đến khi đoạn tận năm thượng phần kiết sử.

## **7. Hạng người “đến bờ và đứng trên bờ” – Quả A-la-hán**

Hành giả đoạn tận mười kiết sử, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tự tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đây là cứu cánh của Thanh văn thừa – Niết-bàn hiện tiền.

## **III. Ý NGHĨA ỨNG DỤNG ĐỐI VỚI HÀNH GIẢ**

Bài kinh không nhằm phân loại để so sánh hơn thua, mà để mỗi hành giả tự soi chiếu vị trí tâm linh của mình.

- Nếu còn chìm trong dục lạc, cần phát khởi tín tâm.

- Nếu đã phát tâm, cần nuôi dưỡng bằng giới – định – tuệ.

- Nếu đã có chánh kiến, phải tiếp tục tinh tấn đoạn trừ kiết sử vi tế.

- Tuyệt đối không tự mãn ở bất kỳ tầng bậc nào.

Con đường giải thoát là tiến trình liên tục, không dừng nghỉ. Mỗi đời sống là một cơ hội để tiến thêm một bước ra khỏi “dòng nước” luân hồi.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Thí dụ về nước là hình ảnh sinh động cho toàn bộ lộ trình tu tập. Đức Phật chỉ rõ rằng:

từ phàm phu đến A-la-hán là một tiến trình có thứ lớp, có nhân có quả, có công phu và có chuyển hóa nội tâm thực sự.

Người tu cần xác định rõ chí hướng: đã đứng được rồi thì phải nhìn quanh; đã nhìn quanh rồi thì phải lội qua; đã lội qua rồi thì phải đến bờ; và đã đến bờ rồi thì phải đứng trên bờ.

Tinh thần cốt lõi của kinh Thủy Dụ là: tinh tấn không thoái chuyển, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy giải thoát làm mục tiêu tối hậu.



## Kinh Thủy Dụ giảng giải

Khi nói đến trí tuệ của Phật là nói đến chân lý tối thượng mà Ngài chỉ dạy để giúp chúng sinh giác ngộ giải thoát; là nói đến sự phong phú, đa dạng trong cách Đức Phật tùy đối tượng, tùy căn cơ, tùy thời điểm mà giảng dạy những giáo lý tương ứng; là nói đến sự vận dụng linh hoạt 12 phương pháp hay còn gọi là 12 bộ kinh khi giáo hóa, trong đó, “Thí dụ” là một phương pháp mà Ngài thường dùng nhất để làm cho lời dạy của Ngài trở nên sáng tỏ hơn, giúp người nghe, người học dễ hiểu, dễ hình dung và dễ nhớ, từ đó có ấn tượng sâu sắc hơn, có sự thâm nhập thậm sâu hơn đối với lời dạy của Ngài.

Có thể nói tất cả kinh điển của Đức Phật đều có các ví dụ rất sinh động và thực tế, thậm

chỉ có một số kinh, Phật lấy ví dụ để đặt tên, hay kết hợp với pháp lập thành tên kinh. Kinh Thủy Dụ - một bài kinh trong phẩm Thất Pháp của kinh Trung A-hàm, là một trong những bài kinh như thế.

Kinh Thủy Dụ là bài kinh Đức Phật lấy ví dụ về nước, nhưng không phải nói về nước mà là ví dụ về bảy hạng người ở trong nước, hợp pháp với bảy hạng người ở thế gian, từ những hạng người mãi lặn hụp, chìm đắm trong sanh tử luân hồi cho đến những hạng người nhờ tu tập mà từng bước vượt thoát sự ràng buộc thế gian.

**Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các**

ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ”.

**Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.**

Đây là đoạn thuộc về Lục chủng thành tựu: Văn thành tựu (Tôi nghe), Pháp thành tựu (Như vậy), Chủ thành tựu (Đức Phật), Thời thành tựu (Một thời), Xứ thành tựu (Rừng Thắng Lâm vườn Cấp cô độ) và Chúng thành tựu (Các Tỳ-kheo).

Bài kinh này Đức Phật giảng về bảy hạng người ở dưới nước và bảo các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ. Vì lời Đức Phật dạy thường rất súc tích, phải lắng nghe kỹ và suy nghĩ sâu mới có thể hiểu thấu.

**Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi**

nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ. Cũng vậy, Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Các người hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đoạn này Đức Phật nêu rõ bảy hạng người trong nước là những hạng người nào trước khi lần lượt giảng rõ từng hạng.

**Phật nói:** Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc

có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là Phạm chí đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Như đã nói, đã giảng giải trên, các người có biết ý nghĩa gì? Phân biệt gì? Có nhân duyên gì?

Vì thời Đức Phật chưa có điều kiện thu âm nên Ngài hay nhắc lại nhiều lần để đệ tử nhớ rõ. Sau đó, Ngài hỏi đệ tử có hiểu được ý nghĩa, sự phân biệt và nhân duyên của những ví dụ trên không. Thực ra, nếu Đức Phật chỉ nêu ví dụ mà không giảng rõ thì chỉ những đệ tử lớn như tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Mục-

kiền-liên v.v... mới có thể hiểu được, còn những vị sơ cơ, chưa giác ngộ sẽ không thể hiểu được ý nghĩa thậm sâu bên trong.

**Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng: “Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn nói ra, để chúng con sau khi nghe rồi sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa.”**

**Phật dạy: “Các người hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các người.”**

**Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.**

Các vị đệ tử Phật, dù hiểu hay chưa đều thừa như trên. Với các vị đã hiểu, dù hiểu đến đâu cũng không muốn lướt quyền Đức Phật, vì Đức Thế Tôn là Pháp chủ, là bậc Giác ngộ, còn các vị là đệ tử, nhờ sự hướng dẫn, chỉ dạy của Đức Phật mới giác ngộ, cho nên chỉ khi nào Phật bảo, các vị mới vâng lời Phật lên

giảng, còn nếu Phật không bảo, các vị dù có biết cũng thính lặng nghe Phật giảng. Khi Phật đích thân giảng, trí và lực của Ngài sẽ làm cho bài pháp có giá trị hơn rất nhiều.

Do các đệ tử đều kính mong được nghe Phật giảng nên Ngài dạy phải để hết tinh thần lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ngài sẽ vì đệ tử mà giảng rõ.

**Phật nói: “Thế nào là hạng người nằm mãi? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lìm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.”**

Như trên đã nói bảy hạng người ở trong nước mà Đức Phật ví dụ tương ứng với bảy

hạng người có thật ở thế gian. Hạng người đầu tiên là hạng người nằm mãi, tức là có những người ở trong nước bị chìm lìm và nằm luôn dưới nước, thực tế ở thế gian cũng có những người giống như vậy, nhất là vào thời mạt pháp. Hạng người này cứ đắm chìm mãi trong ngũ dục lạc thế gian, không biết nhân quả, không tin nhân quả, cũng không sợ nhân quả, chỉ biết sống theo dục vọng bản thân, làm theo những gì dục vọng sai khiến, không hề biết hay không hề nghĩ đến hậu quả của những việc mình làm.

Như có người đã ở tù một thời gian về tội trộm cắp, vừa ra tù là lại trộm tiếp, khi bị bắt, giấy chứng nhận mãn hạn tù vẫn còn trong túi. Nghĩa là dù bị bắt ở tù, trải qua một thời gian được cải tạo, được dạy dỗ, nhưng họ vẫn không thực sự sửa đổi, không thấy đó là lỗi, hễ thiếu là đi ăn cắp, không quan tâm đúng sai.

Hay có những vị đại gia giàu có, dù đã có vợ con vẫn thích bỏ tiền ra mua những cô gái còn trinh đem về làm tình nhân riêng, không nghĩ có lỗi với vợ con hay với cô gái đó. Họ chỉ nghĩ người ta nghèo cần tiền, còn họ cần thỏa mãn dục vọng nên xem như quan hệ sòng phẳng.

Không chỉ muốn thỏa mãn dục tình mà những người càng giàu có, càng quyền thế, đa phần rất đắm thích chuyện ăn uống. Họ ăn từ cao lương mỹ vị đến sơn hào hải vị, từ những món ăn thanh thuần đến những món thịt động vật. Đối với họ ăn gì cũng được, sát sanh hại vật để ăn cũng được, miễn là phải ngon. Và cũng vì để thỏa mãn cái dục ăn ngon mà họ có thể nghĩ ra muôn vàn cách chế biến cầu kỳ, thậm chí chấp nhận cả những cách vô cùng ghê rợn, tàn nhẫn.

Như bà Từ Hy - một vị Thái hậu đứng đầu quốc gia Trung quốc vào cuối triều đại Mãn Thanh, để thỏa mãn sở thích ăn những món ngon vật lạ, bà thân nhiên cho người bắt khỉ nhốt vào lồng, cố định đầu lại rồi rạch đỉnh đầu mở hộp sọ ra, sau đó chế nước sôi vào óc não nó rồi múc ăn tại chỗ. Con khỉ bị rạch đầu, bị đổ nước sôi sùng sục vào, rồi bị người múc óc ăn, nó đau đớn khổ sở đến mức nào, ấy thế mà người ta vẫn nhẫn tâm hành hạ nó để ăn được món mà họ cho là độc lạ, bổ dưỡng đó.

Rõ ràng hưởng thụ ngũ dục lạc trên sự đau khổ của chúng sanh khác chính là những pháp bất thiện, những thứ nhiễm ô, nhưng người thế gian không nhận ra, cứ để dục vọng điều khiển làm nhiễm nhơ tâm thanh tịnh của mình, còn xem đó là chuyện bình thường, đương nhiên.

Cổ nhân nói “Nhân chi sơ tánh bản thiện”, nghĩa là tâm ban đầu của con người vốn thiện. Nhưng tính bản thiện đó phải là trước khi nhiễm, tức là kiếp đầu của mình trong vòng luân hồi sinh tử, chứ nếu đã trải qua nhiều đời kiếp rồi thì dù là một đứa nhỏ cũng chưa chắc tính bản thiện. Vì sao? Vì nó đã nhiễm từ đời trước, đã có những thói quen được lưu giữ lại từ các đời luân hồi trước, nên dù nhỏ chưa biết gì nhưng chưa chắc thiện. Từng có câu chuyện một đứa bé bốn tuổi móm mắt em gái hai tuổi chỉ vì người lớn hay khen mắt bé gái xinh đẹp. Tức là ngay từ nhỏ nó đã tánh ác chứ không phải tánh thiện.

Do chúng sanh đã tích lũy những tập khí nhiễm nhơ từ bao đời kiếp nên những pháp ác huân tập đó thường dễ bộc lộ, dễ phát triển, thậm chí ngay từ nhỏ đã thể hiện ra.

Thế nên, nếu thế gian này không có luật pháp và những giới điều của tín ngưỡng tôn giáo giúp con người tự kèm giữ lại thì những bản năng không tốt từ nhiều đời trước có thể sẽ phát triển mạnh hơn, và cái ác sẽ dấy đầy.

Kết lại, hạng người nằm mãi là hạng người bị ngũ dục lạc, bị những pháp ác bất thiện che lấp, thao túng, làm chủ..., nhưng họ không thấy là ác nên cứ làm, và đương nhiên sẽ bị chìm mãi trong biển khổ luân hồi sinh tử không có ngày ra khỏi. Đó là hạng người thú nhất.

**“Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi chìm lại? Đó là hạng người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như người**

chìm trong nước đã ra được rồi lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.”

Hạng người thứ hai là hạng người ra khỏi nước rồi chìm lại, nghĩa là người chìm trong nước đã ra được rồi chìm trở lại. Ví dụ này chỉ hạng người có nhân duyên gặp được chánh pháp, phát tín tâm xuất gia tu hành hoặc quy y ngũ giới làm Phật tử, nhưng một thời gian sau mất lòng tin, quay trở lại cuộc sống dục lạc thế gian, hoàn toàn không còn tâm đạo, trở lại phỉ báng Tam Bảo, làm những việc ác. Hoặc có những người biết là lỗi mà vẫn phạm, tức là những người này không phải mất tín tâm mà do không thắng được dục vọng trong tâm nên quay trở lại thế gian, sống cuộc sống thế gian. Họ lập gia đình, bươn chải mưu sinh, vì tiền, vì tình mà có thể chấp nhận làm ác. Họ là những người biết đạo, hiểu đạo mà

vẫn phạm, vẫn bất chấp để sinh tồn giữa thế gian.

Kết lại, đây là hạng người đã đến với đạo, sau đó bỏ đạo trở lại thế gian, sống buông xuôi, bất chấp như người thế gian chưa từng biết đạo. Họ là những người đã phát được tín tâm nhưng lại để mất tín tâm, như người ở trong nước đã ra rồi chìm lại.

**“Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm trong nước, ra khỏi nước rồi đứng. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.”**

Hạng người thứ ba là hạng người ra rồi đứng: tuy ở trong nước nhưng có thể ra khỏi nước và đứng lên được, không còn bị ngã trở lại. Đó là hạng người đã phát khởi tín tâm, tin Phật, tin chân lý, tin thiện pháp và quyết tâm tu tập theo thiện pháp, không còn muốn bị ngũ dục lạc thế gian ràng buộc nữa.

Họ bắt đầu thực hành bố thí, thí tất cả với tâm từ bi rộng lớn. Rồi trì giới, không làm tổn hại chúng sanh khác từ vật chất đến tinh thần. Tiếp đến là đa văn, nghiên cứu sâu Phật pháp để hiểu rõ những lời Phật dạy. Nhờ chuyên tâm học hiểu Phật pháp mà trí tuệ sanh, thấy được chân tướng các pháp, từ đó tu tập thiện pháp để tâm ngày càng thiện lành và lấy đó làm căn bản tu hành cho mình. Đây chính là tiến trình tu tập của người đã bắt đầu phát khởi tín tâm. Dù có thể đời này chưa đắc đạo, chưa hoàn toàn giải thoát, nhưng công phu tu

hành sẽ không mất, làm nền tảng tu hành cho những đời tiếp sau.

Phần lớn người tu thuộc về hạng này, tuy cả đời tu tập bình thường, chưa chứng được pháp gì, nhưng do luôn một lòng tu hành, giữ gìn giới hạnh, làm tất cả những điều lành có thể làm được, thường phát nguyện đời đời theo Phật tu hành nên sớm muộn gì cũng đến ngày họ tích lũy đầy đủ, trí tuệ phước đức viên mãn tự nhiên thành Phật.

Tóm lại, khác với hạng người ra rồi chìm lại, tu một thời gian rồi mất tín tâm bỏ đạo, hạng người thứ ba ra rồi đứng, từ lúc phát khởi tín tâm là một lòng tu hành, giữ lòng tin kiên cố, dù chưa đắc đạo cũng không bỏ đạo giữa chừng, quyết không xa rời con đường tu đạo. Họ là những người đã từ trong dòng nước xoáy ngũ dục thế gian mà đứng lên

được và đứng yên, đứng vững, kiên cố, không ngã trở lại.

“Thế nào là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh? Đó là hạng người làm trôi dạt tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt, và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến Chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ. Đó là hạng người ra rồi lại đứng, đứng rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ

**tu của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.”**

Hạng người thứ tư này ra khỏi nước rồi đứng, chẳng những đứng yên mà còn nhìn quanh, thấy được toàn cảnh xung quanh. So với hạng người thứ ba, họ đã tiến thêm một bước. Đó là hạng người tu tập có nhiều tiến bộ trong tâm linh, quyết tâm giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, những vị đó không dừng lại ở sự tu tập cơ bản mà công phu mạnh hơn, sâu hơn, thấu triệt diệu pháp Tứ đế, tinh tấn tu tập và bước được vào dòng Thánh, chứng quả đầu tiên Tu-đà-hoàn, không còn là phàm phu nữa. (Bài kinh này thuộc pháp Thanh văn, Đức Phật lấy pháp Tứ đế làm căn bản tu tập.)

Muốn thấu triệt Tứ Đế, đầu tiên phải thấy thế gian là khổ, không vui được, nếu còn thấy vui là đã quên Khổ đế. Chân lý của Khổ đế là

phải thấy được bản chất các pháp là khô, dù nó đang vui vẫn thấy bản chất của nó là khô. Như khi một đứa bé ra đời, thông thường thân nhân sẽ mừng vui, nhưng người hiểu đạo sẽ thấy cái khô trong đó. Thấy cái khô của đứa bé lúc ở trong bụng mẹ phải trải qua chín tháng mười ngày trong bóng tối một mình, chịu đựng sự đau đớn khi thai dần phát triển. Khi sinh phải chui qua lỗ nhỏ chật hẹp khiến thân thể càng đau đớn. Đến khi bước vào đời càng sẽ nếm trải dài dài vô lượng nỗi khổ. Khi còn cha mẹ chở che có thể đỡ khổ một chút, khi không còn ai chở che, phải sống tự lực, tự lập, nó sẽ nếm đủ mọi khổ ải thế gian. Cho nên dù hiện tại đang vui, người hiểu đạo vẫn thấy được cái khô ở vị lai hoặc thấy được mầm khổ ẩn trong đó. Tinh tấn tu tập Tứ đế là lúc nào mình cũng thấy rõ các pháp là khô. Do lúc nào cũng thấy khổ nên không đắm mê nữa.

Đức Phật lúc còn là thái tử đã thấy thế gian là khổ, Ngài trăn trở muốn tìm nguyên nhân của khổ và làm sao để chúng sanh hết khổ. Cho nên khi dạy Tứ đế, Ngài không dừng lại ở chỗ chỉ cho chúng ta thấy thế gian là khổ mà còn nói rõ nguyên nhân của khổ, tức Tập đế. Khổ do chính mình tạo ra, không do người khác hay ngoại cảnh gây ra. Bản chất các pháp là vô thường, nhân duyên như vậy, nhân quả vận hành như vậy. Người đắm thì khổ, người không đắm sẽ không khổ.

Ở thế gian, nhiều đứa trẻ khi cha mẹ ly hôn rất đau buồn, thậm chí trầm cảm vì trải qua sự đổ vỡ và mất mát lớn, nhưng cũng có những đứa trẻ trải qua cảnh ấy mà tâm vẫn bình thường, ở với cha cũng được, với mẹ cũng được, thậm chí có em còn vui mừng vì sau khi cha mẹ ly hôn, ba có vợ khác, mẹ có chồng khác nên bây giờ nó được có hai ông ba và hai ba mẹ. Thế nên, chúng ta khổ hay vui là do

tâm niệm của chính mình, cùng một sự việc, tâm mình thấy vui hay khổ thì nó sẽ thành vui hay khổ.

Thấu được gốc của khổ từ đâu, nên nếu muốn không khổ phải buông xả, không đả. Đó cũng là con đường tu tập chủ yếu mà người tu phải tinh tấn thực hành.

Hai đế tiếp sau là Diệt đế và Đạo đế. Sợ chúng sanh không hiểu, buông tất cả nhưng lại rơi vào rỗng không, nên Đức Phật nói Diệt đế. Khi buông hết không phải là không còn gì, mà khi ấy chúng ta sẽ thể nhập được thể tánh rỗng lặng, sáng suốt vốn luôn có sẵn nơi chính mình. Thế nên, tu đúng là phải nhận được Diệt đế, tức phải thể nhập trở lại bản tánh có sẵn nơi mình. Để giúp chúng ta làm được việc đó, Đức Phật dạy Đạo đế, tức các phương pháp tu tập, tu tập thế nào để có thể

buông bỏ mê lầm, sống trở lại bản thể của mình.

Vậy, tu tập chỉ thực sự có giá trị khi mình tin được Diệt đế và thực hành được Đạo đế. Khi đi sâu vào tu tập như vậy, tự nhiên sẽ sanh được chánh kiến thấy đúng chân lý, đó chính là trí tuệ giúp chúng ta phá được mọi mê lầm xưa nay.

Đầu tiên là phá Thân kiến, tức phá được mê lầm về thân, không còn đắm chấp cho thân là thật mình.

Kế đến là phá Giới cấm thủ. Khi đã phá được thân kiến, có chánh kiến rồi, tự nhiên không còn chấp giữ những giới cấm sai lầm, không đúng chân lý, không giúp mình giải thoát, như tu khổ hạnh đến kiệt quệ, hay tu theo hạnh con bò v.v... Những cách tu đó cũng cần phải có ý chí, nghị lực mạnh mẽ mới có thể làm được, nhưng thật ra chúng đều là

tà tinh tấn. Khi đã có trí tuệ biết rõ mấu chốt sanh tử là do tâm chấp ngã mà ra, chỉ cần buông bỏ không chấp là được, còn cách buông như thế nào tùy theo nhân duyên của mình, không bị giới hạn hay cố định trong một quy điều nào.

Thế tại sao mình lại giữ những giới cấm của Đức Phật? Bởi những điều giới Đức Phật chế định là giúp chúng ta không làm tổn hại chúng sanh, phù hợp nhân quả, thuộc về chánh giới. Như giới không sát sanh, trộm cắp, tà dâm (hay dâm dục), vọng ngữ..., những giới mà Đức Phật xếp vào giới trọng, đều giúp chúng ta tránh những quả báo xấu ác, ảnh hưởng đến tâm đạo hiện đời và vị lai. Còn những giới như không đeo tràng hoa và ướp nước hoa, không nằm ngời giường ghế tốt, không giữ tiền của vàng bạc v.v... chỉ là những giới trợ duyên giúp mình tu tập tốt hơn, bớt đả đốn hơn. Nếu mình thực sự không

đắm, những giới khinh đó không ảnh hưởng đến việc tu tập của mình thì hoặc vì hoàn cảnh, hoặc vì phương tiện độ sanh, mình không giữ được cũng có thể chấp nhận.

Nên khi muốn giữ một điều giới nào phải xét xem giới đó có dẫn mình đến giải thoát hay không, có ảnh hưởng đến sự tu tập của mình hay không? Nếu có thì giữ. Ngược lại, những giới không có ích lợi gì, thậm chí hại mình hại người thì không giữ. Khi có chánh kiến, thấu được chân lý, biết rõ nguồn gốc của khổ, tự nhiên sẽ không giữ những giới sai lầm, tức phá được Giới cấm thủ.

Thứ ba là phá được nghi ngờ: nghi nhân quả, nghi chân lý, nghi Tứ Diệu Đế, nghi chính mình... Khi thấu được chân lý, thấy rõ nhân quả sẽ không còn nghi nữa. Trong đại dịch Covid 19, có rất nhiều người tốt phát tâm làm thiện nguyện như các y bác sĩ, các vị tu sĩ,

ca sĩ Phi Nhung..., nhưng rốt cuộc lại cũng nhiễm bệnh không qua khỏi. Hay có khi một đoàn đi từ thiện lại bị tai nạn lật xe, chết và bị thương nhiều người. Nếu không hiểu nhân quả mình sẽ sanh tâm nghi ngờ. Nhân quả vốn không giới hạn trong một đời mà là sự tổng hợp của rất nhiều nhân duyên từ nhiều đời trước. Làm từ thiện chắc chắn sẽ có quả lành, nhưng quả đó không phải trở ngay mà phải đúng thời tiết nhân duyên. Người làm lành bị tai nạn hay dịch bệnh tử vong không phải do việc làm lành đó mà là do nhân ác quá khú tới thời điểm chín muồi nên trở ra, không phải do làm thiện dẫn đến.

Cho nên, khi thấy được thân này chỉ do nhân duyên hòa hợp không thật, thấu được chân lý, hiểu rõ quy luật vận hành của các pháp, chúng ta sẽ phá được những mê lầm về thân, giới cấm thủ và nghi, gọi là dứt được ba kiết sử, đắc quả vị đầu tiên Tu-đà-hoàn.

Tu-đà-hoàn là quả vị đầu tiên trong tứ quả Thanh văn, dịch nghĩa là Dụ lưu hay Nhập lưu, tức dụ vào dòng Thánh, nhập vào dòng Thánh; hay còn dịch là Nghịch lưu, tức đi ngược lại dòng phàm. Ngoài ra, Tu-đà-hoàn còn được dịch là Thất lai, hiểu trên văn tự thì có nghĩa là khi một vị đã chứng quả Tu-đà-hoàn sẽ còn bảy lần qua lại sanh tử trên thế gian này nữa rồi chứng đắc A-la-hán. Nhưng thật ra con số bảy ở đây là chỉ sự viên mãn. Tức khi nào mình tu tập viên mãn, dứt được những phần kiết sử còn lại, không còn lậu hoặc nữa sẽ đắc quả A-la-hán, hoàn toàn giải thoát.

Như vậy, từ lúc đắc quả Tu-đà-hoàn đến A-la-hán không giới hạn thời gian, nó có thể rất nhanh, cũng có thể rất chậm, chỉ cần tu tập viên mãn là được.

Một vị Sa-di đệ tử Ngài Xá-lợi-phất đắc A-la-hán chỉ trong một buổi sáng thiền định quán sát. Bà Khê-ma khi thấy tiến trình chuyển hóa vô thường của vị hóa tiên nữ do Phật hóa hiện, từ trẻ đẹp dần đến tuổi già rồi gục chết liền đắc A-la-hán, không cần trải qua các quả vị trước đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vừa giác ngộ liền dứt sạch mười kiết sử đắc quả vị cuối cùng.

Lần lượt đắc từng quả vị dứt từng kiết sử là tiến trình tu tập bình thường, nhưng với những vị đại thiện căn có thể trong tích tắc thẳng bước đến bờ kia. Thế nên, vị Tu-đà-hoàn không nhất định phải trải qua đủ bảy lần sanh tử, chỉ cần viên mãn sự tu tập, dứt hoàn toàn kiết sử là giải thoát. Ý nghĩa thật sự của Tu-đà-hoàn là không còn đọa trở lại làm phàm phu nữa, chỉ một đường thẳng tới giải thoát, còn thời gian trải qua bao lâu là tùy theo công phu, trí tuệ hay căn cơ của vị đó.

Tóm lại, hạng người thứ tư có sự tu tập sâu hơn, đạt thành tựu lớn hơn. Họ thấu triệt Tứ Đế, tinh tấn tu tập dứt được ba kiết sử đầu tiên là thân kiến, giới cấm thủ và nghi, chứng quả Tu-đà-hoàn, chính thức bước vào dòng Thánh, như người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh.

**“Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trôi được tin tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tin tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch. Đó là thân kiến, giới thủ, nghi; ba kiết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si voi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau**

khi qua lại một lần đó rồi liền chúng đắc Khổ đế. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.”

Hạng người thứ năm không chỉ ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh mà còn lội qua hướng đến bờ kia. Đây là chỉ hạng người đắc quả Tu-đà-hoàn rồi không dừng lại mà tiếp tục công phu sâu thêm cho đến khi thâm ngộ si mỏng ít, chúng quả thứ hai Tư-đà-hàm.

Nghĩa là họ thấu triệt sâu hơn về Tứ đế, đi sâu vào tu tập. Tức là sau khi trạch pháp, lựa chọn được pháp tu rồi, họ công phu ngày càng sâu, tâm cảnh từ từ thăng tiến, trí tuệ

ngày càng sâu dẫn tới dâm, nộ, si mỏng dần, bước lên quả vị thứ hai.

Dâm là tham: tham đắm ngũ dục lạc tài, sắc, danh, thực, thù. Nộ là sân: nóng giận, hận hờn, nã phiền... đều thuộc về sân. Si là vô minh.

Như chúng ta chỉ là một người tu tập bình thường theo thời khóa, trải một thời gian, dù chưa đắc quả nhưng tham, sân, si cũng đã mỏng hơn xưa rất nhiều. Như chùa nhận được thí chủ cúng dường, mình không quan tâm có được chia không, chia nhiều ít, ngon dở, tốt xấu v.v..., tức là cái tham của mình đã mỏng đi nhiều. Ngày xưa ai nói lời khó nghe mình liền giận, nhưng giờ chỉ cười nhẹ bỏ qua, tức cái sân cũng đã giảm. Sở dĩ được như vậy là nhờ ngày ngày mình huân tập chánh pháp, tụng lời Phật dạy, nghe các vị tôn đức giảng giải pháp mầu, suy nghiệm

giáo lý... dần dà trí tuệ sanh, trí sanh thì si mỏng, si mỏng thì tâm chấp giảm, tâm chấp giảm nên tham sân mỏng theo.

Chúng ta chỉ là những người tu bình thường chưa vào dòng Thánh mà còn có thể nhờ tấm mình trong chánh pháp mà tham, sân, si còn mỏng dần, huống là các vị đã chứng Tu-đà-hoàn, có được chánh kiến, thấy được thân không thật, đương nhiên sẽ tiến dần đến giai đoạn tham, sân, si mỏng ít, bước lên quả vị Tư-đà-hàm.

Tuy nhiên, với mình, nếu giá trị vật phẩm hay tiền bạc không lớn lắm thì có thể không tham, nhưng nếu quá nhiều, lòng tham có thể trỗi dậy. Hay với thân, lúc bình thường mình có thể không quan tâm, nhưng khi bị bệnh đau hành hạ, mình có thể mất kiểm soát, dễ nóng giận. Không như các vị Tư-đà-hàm, tham sân si đã mỏng thực sự. Cho nên phần

lớn người tu chúng ta thuộc hạng thứ ba, tuy có trí tuệ nhưng chưa phá được kiết sử. Còn các vị thuộc hạng thứ tư, thứ năm là đã phá được kiết sử. Khi đã phá được ba kiết sử thân kiến, giới cấm thủ, nghi, nếu công phu không dừng lại tự nhiên sẽ đến trình độ dâm, nộ, si mỏng, tuy chưa dứt hẳn nhưng còn rất nhỏ nhiệm, rất vi tế.

Tư-đà-hàm dịch là Nhất lai, tức chỉ còn một lần sanh tử nữa thôi, nhưng cũng giống như số bảy đã nói ở trên, vị này không nhất định phải trải qua thêm một lần luân hồi, hoặc có thể ngay trong đời này, công phu thẳng tiến đến A-la-hán. Cho nên, con số một lần này cũng chỉ là cách nói khác của sự tu tập viên mãn, đối với vị Tư-đà-hàm, chỉ cần thêm một lần nhắc lại là đủ, ý nói vị này dâm, nộ, si đã rất mỏng, chỉ cần công phu thêm một chút là phá được, chúng các quả vị cao hơn.

Tóm lại, hạng người thứ năm nhờ tiếp tục tu tập sâu thêm mà dâm, nộ, si trở nên mỏng ít, chứng quả Thánh thứ hai Tư-đà-hàm. Như người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua hướng đến bờ kia. Hạng thứ tư Tư-đà-hoàn chỉ mới nhìn quanh, biết bờ kia ở đâu nhưng chưa lội qua, hạng thứ năm Tư-đà-hàm này đã lội qua, hướng về bờ nhưng chưa tới bờ, chỉ cần tiến thêm một chút là sẽ tới.

**“Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới**

thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chúng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

Hạng người thứ sáu là hạng đã lội được tới bờ bên kia. Họ là người cứ tiến lên mãi, từ dưới nước đứng lên, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua và lội được tới bờ. Tượng trưng cho người tu cứ tiến mãi, năm hạ phần kiết lần lượt dứt sạch, đắc quả Thánh thứ ba A-na-hàm.

Những vị thuộc hạng thứ sáu này sau khi đã đến quả thứ hai Tư-đà-hàm, không dừng lại mà tiếp tục công phu, tu tập vững vàng, dụng công miên mật, do vậy, họ sẽ tiến thêm một bước là phá được dâm và nộ. Si vẫn còn mỏng chưa phá được. Nghĩa là khi ở quả Tư-đà-hàm dâm nộ si đều mỏng nhưng vẫn còn; đến quả A-na-hàm thì phá được dâm nộ, còn si mỏng. Tức vị này đã phá được năm hạ phần kiết là thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dâm và nộ. Khi đã đắc quả A-na-hàm, nếu hết thọ mạng sẽ sanh lên cõi Trời A-na-hàm, không còn sanh lại thế gian nữa nên được dịch là Bất lai. Bất lai là không trở lại, nhưng là không trở lại thế gian này chứ không có nghĩa là đã hoàn toàn giải thoát sinh tử. Các vị vẫn ở trong ba cõi, chỉ là không chịu sự vận hành của ba cõi, chỉ chuyên lo tu tập mà thôi.

Cõi trời A-na-hàm gọi đủ là Ngũ A-na-hàm thiên, gồm năm bậc: Vô phiền, Vô nhiệt,

Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh. Nghĩa là tuy cùng chứng quả A-na-hàm nhưng mức độ cạn sâu có khác. Tại sao còn cạn sâu? Vì còn năm thượng phần kiết. Tùy theo phá được tới mức nào sẽ tiến lên cao hơn với tầng tương ứng, tầng cao nhất là Sắc cứu cánh.

Dù sanh vào tầng nào, vị ấy cũng đã ra khỏi thế gian. Tuy cõi A-na-hàm nằm trong ba cõi nhưng không chịu sanh tử của ba cõi, ra khỏi sự quản thúc của ba cõi. Dù đại tam tai diễn ra, thế gian đi vào kiếp Hoại, vẫn không ảnh hưởng đến cõi A-na-hàm. Các vị sẽ ở đó tu đến khi đắc A-la-hán, tùy theo công phu tu tập cạn sâu mà thời gian chứng đắc quả cứu cánh sẽ nhanh hay chậm. Có những vị A-na-hàm từ thời Đức Phật Tỳ-bà-thi đã ở đó, đến thời Đức Phật Thích Ca vẫn còn ở đó, vẫn là A-na-hàm. Thế nên, phá được năm thượng phần kiết sử là rất khó, đặc biệt là vô minh, hay còn gọi là si.

Như vậy, hạng người thứ sáu là hạng lợi được tới bờ, tượng trưng những vị tu tập đã dứt được năm hạ phần kiết sử, đắc quả Thánh thứ ba A-na-hàm, tuy không còn bị sanh tử trong ba cõi nhưng vì vẫn còn chút dính mắc nên chưa hoàn toàn giải thoát sanh tử, chưa được tự tại trong sanh tử. Như người chìm trong nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội về hướng bờ, tới bờ rồi nhưng chưa leo lên. Vì chưa leo lên bờ nên chưa thật sự ra khỏi nước, bậc A-na-hàm cũng giống như vậy, tuy đã khỏi sanh tử nhưng chưa thật sự giải thoát.

**“Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia rồi được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ? Đó là người đã làm trối dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn**

chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy. Tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ kia rồi được gọi là vị Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm trong nước ra rồi đứng lên, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.”

Hạng người thứ bảy là hạng ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội đến bờ bên kia và được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ. Thí dụ này ví cho những vị đã tu tập viên mãn, phá hết mười kiết sử, đắc A-la-hán, ra khỏi luân hồi sinh tử.

Con số bảy hay được đức Phật sử dụng vì nó tượng trưng cho sự viên mãn, nên hạng người thứ bảy này chỉ cho chư vị A-la-hán, những vị đã viên mãn sự tu tập (theo pháp Thanh văn).

A-na-hàm là những vị đã lội được đến bờ nhưng chưa leo lên, còn A-la-hán chẳng những đến bờ còn leo lên, hoàn toàn ra khỏi nước, gọi là Phạm chí đứng trên bờ. Phạm là trong sạch, Chí là rất ráo, tận cùng. Phạm chí là sự trong sạch, thanh tịnh đến rất ráo. Cho nên một người xuất gia tu tập chỉ được gọi là Phạm chí khi vị đó đã thật sự đạt đến chỗ

thanh tịnh, trong sạch hoàn toàn. Chư vị đã phá hết mười kiết sử ngũ hạ phần kiết và ngũ thượng phần kiết. Ngũ hạ phần kiết gồm thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dâm, và nộ; ngũ thượng phần kiết gồm ái sắc giới, ái vô sắc giới, ngã mạn, trạo hối và si (hay vô minh).

Ái sắc giới là ưa thích các tầng thiên ở cõi Sắc giới, đắm vào cái vui của Tứ thiên: Sơ thiên Ly sanh hỷ lạc, Nhị thiên Định sanh hỷ lạc, Tam thiên Ly hỷ diệu lạc, Tứ thiên Xả niệm thanh tịnh.

Ái Vô sắc giới là ưa thích các tầng định ở cõi Vô sắc giới, đắm vào cảnh giới định của thiên Tứ không: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ.

Ngã mạn ở đây là chỉ sự ái ngã vi tế, không phải cái cao ngạo, ta đây của phàm phu. Như khi Đức Phật thành đạo, Ngài đã

tuyên bố: Ta đã biết ai là người xây nhà, từ nay không còn ai có thể xây nhà cho ta được nữa. Người xây nhà chính là tâm ái ngã này, luôn cho rằng mình phải có một cái gì đó để tồn tại, phải là một cái gì đó. Như có những vị tu tập đã đạt đến tầng thiền thứ tư Xả niệm thanh tịnh, nhưng khi đến đây họ thấy như mình không còn tồn tại nữa, tâm không còn khổ vui, không còn một chút thức phân biệt nào, cảm giác dường như trống rỗng, thế là họ nghĩ mình không còn tồn tại, cần phải tìm một sự tồn tại mới. Vì vậy họ bắt đầu khởi lại thức quán hư không, bước vào tầng định đầu tiên của cõi Tứ không Vô biên xứ. Rồi dần dần tiến lên các tầng định cao hơn Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, lưu giữ lại một chút thức vi tế, và đó chính là sự tồn tại của kiết sử ngã mạn. Những vị đã bước vào dòng thánh, tức là kẻ từ quả vị Tu-đà-hoàn là đã dứt được tâm ngã

mạn thông thường của phàm phu, nên kiết sử ngã mạn xếp trong thượng phần kiết không phải là ngã mạn bình thường, mà là sự đắm chấp vào ngã vi tế, cho là phải có một chút thức để tồn tại, chỉ khi đắc A-la-hán kiết sử này mới dứt được.

Trạo hối là dao động hối hận, đây cũng là chỉ tâm thái dao động vi tế. Ví dụ muốn từ Sơ thiên lên Nhị thiên phải bỏ tâm ưa thích niềm vui có được ở tầng Sơ thiên. Nếu đã lên Nhị thiên mà còn luyến tiếc cái vui của Sơ thiên, sự luyến tiếc đó gọi là trạo hối. Thế nên đây không phải là trạo hối hiểu theo nghĩa thông thường là lỡ làm lỗi rồi mãi hối hận không quên, mà là chỉ một kiết sử vi tế trong năm thượng phần kiết, khi đã buông bỏ rồi thì không còn tâm luyến tiếc nữa. Kiết sử này phải đến A-la-hán mới phá được.

Các vị A-na-hàm sở dĩ khó đắc A-la-hán là vì còn tâm trạo hối này, tiếc cảnh giới tâm đang có, vì không bỏ được nên cũng khó tiến lên, sự tiếc nuôi thâm lặng này rất khó phát hiện.

Như tầng Tam thiên là tầng an lạc bậc nhất trong các tầng thiên, nếu bỏ để tiến lên tứ thiên sẽ thấy hối tiếc, sợ mất trạng thái thanh tịnh, an lạc này. Tâm sợ đó nhẹ nhàng bên trong nhưng lại đủ sức trói mình lại nên gọi là kiết sử. Kiết là cột trói, sử là sai khiến. Tâm trạo hối này là một trạng thái tâm mẩn thích nhỏ nhiệm vô cùng, làm cho mình nuôi tiếc, không bỏ được, vì còn kiết sử nên không thể đắc A-la-hán. Cho nên tâm trạo hối của các vị Bất lai không dễ bỏ như mình tưởng.

Kiết sử cuối cùng là si, còn gọi là vô minh. Khi đã bỏ được ái sắc giới, ái vô sắc giới, ngã mạn, trạo hối nghĩa là si đã dứt, bởi chỉ có si

hết mới phá được những kiết sử trên, vì si chính là kiết sử quyết định. Hiểu cách khác, si hay vô minh chính là tên gọi khác của Ái. Chỉ cần còn một chút mê đắm là còn si. Ái chính là cội gốc sanh tử. Thế nên, Tứ Diệu Đế nói đây đủ là Khổ đế, Ái tập khổ tập đế, Ái diệt khổ diệt đế, Ái diệt khổ diệt đạo đế. Chỉ cần ái diệt là mọi thứ khổ sẽ diệt, sanh tử luân hồi sẽ chấm dứt.

Như vậy để đắc A-la-hán năm thượng phần kiết này phải phá sạch. Mà năm kiết sử này cội nguôi ở si, phá được si là phá được cả năm.

Một vị khi đắc A-la-hán biết rõ mình đắc A-la-hán, biết sự sanh đã dứt: đời này là sanh mạng cuối cùng, sau khi xả thân sẽ không tái sanh nữa. Phạm hạnh đã vững: hạnh trong sạch vững bền, không còn nhiễm nhơ trở lại. Điều cần làm đã làm xong: đời này xuất gia tu

học vì muốn giải thoát sanh tử, giờ đây ước nguyện đã hoàn thành, sau không còn tái sanh nữa.

Một vị khi đắc A-la-hán sẽ biết như thật, thấy như thật, rõ như thật chỗ chứng đắc của mình. Nhưng giữa người thật đắc và người không thật đắc, người bình thường không phân biệt được. Đức Phật vì sợ có những người chưa đắc A-la-hán lại nói mình chứng đắc, dối gạt tín đồ nên Ngài không cho phép đệ tử nói lên chỗ chứng đắc. Thế nên, những vị đắc A-la-hán, kể cả ba vị dưới là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, trừ trường hợp đặc biệt cần thiết mới tuyên bố, còn không thì thôi. Nếu vị nào không có nhân duyên đặc biệt mà tuyên bố đắc đạo, vị đó không thật sự là đệ tử Phật, vì Đức Phật không cho phép tuyên bố.

Tóm lại, bài kinh này Đức Phật dạy rõ tiến trình tu tập cho mình. Ngoại trừ hạng đầu là phàm phu sống giữa thế gian, hạng thứ hai tuy trước giác ngộ nhưng sau lại buông thả quay trở lại thế gian. Bắt đầu từ hạng thứ ba, khi đã quyết định tu tập thì đừng dừng lại, phát được tín tâm rồi đừng đứng lại, hãy tiếp tục công phu sâu thêm. Hãy bắt đầu bằng trì giới, cố gắng giữ những giới không làm hại chúng sanh, giữ những điều giới có ích lợi cho sự tu tập của mình. Kế là bố thí, trải lòng từ bi rộng ra với mọi người. Tiến thêm là đa văn, cố gắng nghe nhiều, học nhiều để tăng trưởng trí tuệ. Tiếp là tu tập pháp lành, tăng trưởng pháp lành. Sau đó đi sâu vào tu tập Tứ đế, lựa chọn một pháp môn thích hợp với mình để công phu, cứ thế công phu dần dần tăng tiến, phá được ba kiết sử, rồi dâm, nộ, si mỏng, tiến tới phá năm hạ phần kiết, cuối cùng phá hết

tất cả mùi kiết sử, chúng A-la-hán, tự tại sanh tử.

Con đường tu tập của mình là vậy, nếu đời này chưa xong đời sau tu tiếp, nhưng cũng đừng có ý nghĩ tiêu cực đời này mình tu chắc không xong. Cứ hờn nhiên tu, tới mức nào hay mức đó, đừng nghĩ mình căn cơ thấp kém, e tu không nổi, không xong... mà lo là công phu, tu tập cầm chừng qua ngày, như vậy phí uổng lắm. Cứ tu hết mình, như người xưa dạy: “Tận nhân lực mới tri thiên mạng.”

**“Ta trước có nói sẽ giảng về bảy hạng người chìm trong nước cho các người nghe. Vì vậy, ta đã nói xong.”**

**Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết hoan hỷ phụng hành.**

Sau khi Đức Phật giảng xong, các vị Tỳ-kheo vui vẻ vâng làm theo lời Phật dạy.

Tóm lại, bài kinh Thủy dụ này, Đức Phật muốn đệ tử phải làm sao xác định được phương hướng tu tập của mình. Đã có được nhân duyên thù thắng gặp được Phật pháp, phát được tín tâm rồi thì phải đi sâu vào tìm hiểu và thực hành, hướng về mục tiêu giác ngộ giải thoát, cứ thế mà kiên trì công phu cho đến khi có thể tự tuyên bố rằng: “Ta sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

-----///-----



*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,  
Phiên nã vô tận thế nguyện đoan  
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,  
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

*Nguyện đem công đức này,  
Hương về khắp tất cả,  
Đệ tử và chúng sanh,  
Đều trọn thành Phật đạo.*





